

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 34

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Khối Trung Đô 3, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh thuộc Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam). Quyết định số 122/2003/QĐ-BCN ngày 11/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh thuộc Công ty Xây lắp điện 3 thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.3. Sau đó Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900576216 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 20/11/2003, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 10 ngày 16/3/2026 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính tỉnh Nghệ An về việc thay đổi người đại diện theo Pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 16/3/2026 là: 34.000.000.000 VND (Bằng chữ: Ba mươi bốn tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu VE3. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, cổ phiếu VE3 thuộc diện bị cảnh báo theo Quyết định số 1080/QĐ-SGDHN ngày 09/9/2025; diện bị kiểm soát theo Quyết định số 1113/QĐ-SGDHN ngày 18/9/2025 và diện bị hạn chế giao dịch theo Quyết định số 1210/QĐ-SGDHN ngày 03/10/2025 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty: Khối Trung Đô 3, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Đào Ngọc Quỳnh	Chủ tịch
Ông Tống Đình Thắng	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 05/01/2026)
Ông Trần Đức Thanh	Ủy viên
Ông Trương Thường Thịnh	Ủy viên
Ông Lê Mạnh Chiến	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30/6/2025)
Bà Võ Hồng Cẩm Tú	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 05/5/2025)
Ông Bùi Quang Thành	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 05/5/2025)

##### Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thế Tam	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Vinh	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên

##### Ban Giám đốc

Ông Trần Đức Thanh	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 02/3/2026)
Ông Tống Đình Thắng	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/3/2026)
Ông Nguyễn Văn Trọng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Mạnh Xuân Kỳ	Phó Giám đốc

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc Công ty,



---

**Tổng Đình Thắng**

**Giám đốc**

Nghệ An, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Số: 258/2026/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:**           **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 được lập ngày 30/3/2026 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.8 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đang ghi nhận Chi phí trả trước dài hạn khoản tiền Công ty nhận chuyển nhượng quyền thương hiệu và quyền phát triển Dự án Mỹ Thương với bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam với giá trị là 35 tỷ VND. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Dự án Mỹ Thương của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn đầu tư và chưa được cấp phép mở bán theo quy định.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



---

**Vũ Ngọc Ân**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

---

**Bùi Việt Đức**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 6056-2023-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>181.624.101.253</b>	<b>183.425.871.326</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>35.751.113.012</b>	<b>23.883.493.806</b>
1. Tiền	111		27.996.113.012	18.428.493.806
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.755.000.000	5.455.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	1.200.000.000	1.200.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>82.303.770.119</b>	<b>105.939.528.724</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	64.535.160.724	63.037.444.981
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	7.480.539.975	24.935.051.305
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	12.273.285.941	19.276.209.281
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.985.216.521)	(1.309.176.843)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>58.694.333.118</b>	<b>51.320.310.805</b>
1. Hàng tồn kho	141		59.504.092.991	51.390.371.667
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(809.759.873)	(70.060.862)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.674.885.004</b>	<b>1.082.537.991</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	24.700.739	161.149.634
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.457.206.420	728.410.512
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	192.977.845	192.977.845
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+230+260)	<b>200</b>		<b>44.099.502.560</b>	<b>9.788.327.555</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.247.057.646</b>	<b>5.958.111.659</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	5.247.057.646	5.958.111.659
- Nguyên giá	222		17.854.444.979	17.854.444.979
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.607.387.333)	(11.896.333.320)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.10</b>	<b>3.486.000.000</b>	<b>3.486.000.000</b>
1. Nguyên giá	231		3.486.000.000	3.486.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>35.366.444.914</b>	<b>344.215.896</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	35.366.444.914	344.215.896
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>225.723.603.813</b>	<b>193.214.198.881</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>185.573.968.347</b>	<b>173.937.145.998</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>184.523.968.347</b>	<b>172.327.462.592</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	89.216.403.823	59.194.991.977
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	8.624.468.869	37.192.776.422
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	886.145.545	597.856.911
4. Phải trả người lao động	314		2.099.830.726	2.766.808.250
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	9.362.826.019	10.292.215.452
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	1.559.457.504	2.309.762.774
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	72.634.134.880	59.810.368.886
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.17	74.950.127	74.950.127
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		65.750.854	87.731.793
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.050.000.000</b>	<b>1.609.683.406</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	-	409.683.406
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	1.050.000.000	1.200.000.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>40.149.635.466</b>	<b>19.277.052.883</b>
<b>(400 = 410)</b>				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>40.149.635.466</b>	<b>19.277.052.883</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		34.000.000.000	13.197.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		34.000.000.000	13.197.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.860.000	8.860.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.544.508.710	2.544.508.710
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.596.266.756	3.526.584.173
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.501.132.685	3.272.069.288
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		95.134.071	254.514.885
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>225.723.603.813</b>	<b>193.214.198.881</b>
<b>(440 = 300+400)</b>				

Người lập

Kế toán trưởng

Nghệ An, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Giám đốc





Bùi Đức Long

Bùi Đức Long

Tổng Đình Thắng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	169.543.503.349	170.870.956.519
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		169.543.503.349	170.870.956.519
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	156.443.024.553	159.396.569.036
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>13.100.478.796</b>	<b>11.474.387.483</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	370.956.633	342.751.095
7. Chi phí tài chính	22	6.4	5.708.914.050	3.542.881.952
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.667.785.085	3.484.952.135
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6.823.792.436	7.213.266.106
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>938.728.943</b>	<b>1.060.990.520</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	159.733.173	200.081.956
12. Chi phí khác	32	6.6	135.090.508	326.661.762
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.6</b>	<b>24.642.665</b>	<b>(126.579.806)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>963.371.608</b>	<b>934.410.714</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	868.237.537	679.895.829
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>95.134.071</b>	<b>254.514.885</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>6.8</b>	<b>70</b>	<b>174</b>

Nghệ An, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Bùi Đức Long

Bùi Đức Long

Tổng Đình Thắng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<b>01</b>		<b>963.371.608</b>	<b>934.410.714</b>
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		711.054.013	676.874.329
- Các khoản dự phòng	03		1.415.738.689	(265.859.754)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(239.951.367)	(81.562.300)
- Chi phí lãi vay	06		5.667.785.085	3.484.952.135
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<b>08</b>		<b>8.517.998.028</b>	<b>4.748.815.124</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		20.230.923.019	(41.018.860.046)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.113.721.324)	(22.698.211.238)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.632.713.218)	43.693.236.230
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(34.885.780.123)	(66.731.459)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.338.122.715)	(3.552.824.105)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(568.973.003)	(482.287.059)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(58.608.819)	(72.843.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>		<b>(21.848.998.155)</b>	<b>(19.449.705.553)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.491.747.727)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		239.951.367	81.562.300
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>		<b>239.951.367</b>	<b>(1.410.185.427)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		20.802.900.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		109.393.088.524	92.331.956.832
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(96.719.322.530)	(67.739.448.161)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<b>33.476.665.994</b>	<b>24.592.508.671</b>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	<b>50</b>		<b>11.867.619.206</b>	<b>3.732.617.691</b>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	<b>60</b>		<b>23.883.493.806</b>	<b>20.150.876.115</b>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</i>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>35.751.113.012</b>	<b>23.883.493.806</b>

Nghệ An, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**





**Bùi Đức Long**

**Bùi Đức Long**

**Tổng Đình Thắng**

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh thuộc Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam). Quyết định số 122/2003/QĐ-BCN ngày 11/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh thuộc Công ty Xây lắp điện 3 thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.3. Sau đó Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900576216 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 20/11/2003, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 10 ngày 16/3/2026 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính tỉnh Nghệ An về việc thay đổi người đại diện theo Pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 16/3/2026 là: 34.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Ba mươi bốn tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu VE3. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, cổ phiếu VE3 thuộc diện bị cảnh báo theo Quyết định số 1080/QĐ-SGDHN ngày 09/9/2025; diện bị kiểm soát theo Quyết định số 1113/QĐ-SGDHN ngày 18/9/2025 và diện bị hạn chế giao dịch theo Quyết định số 1210/QĐ-SGDHN ngày 03/10/2025 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty: Khối Trung Đô 3, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

Số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 46 người (tại ngày 31/12/2024 là 71 người).

#### **1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây và trạm biến áp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghệ, thủy lợi; Xây dựng các nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xử lý nền móng công trình;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện ở tất cả các công trình nhà ở và dân dụng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất cột điện bê tông, cống bê tông ly tâm, cống rung lắc và các sản phẩm từ bê tông;
- Sản xuất các kết cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Xây dựng các đường dây và trạm biến áp.

#### **1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### **1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND tại ngày 31/12/2025 được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b><u>Số năm</u></b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 50
Máy móc thiết bị	08 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được ghi giảm và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất ở lâu dài tại thửa số 288, tờ bản đồ 35 tại phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Công ty đang không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Cho thuê tài sản**

***Cho thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng Cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời hạn sử dụng.

Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Trích trước chi phí xây dựng theo các biên bản nghiệm thu khối lượng.
- Chi phí khác: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở hợp đồng, khối lượng công việc hoàn thành.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là chi phí bảo hành thi công công trình.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và được Đại hội cổ đông phê duyệt.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hợp đồng xây dựng.

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của công trình xây dựng, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (*bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (*bộ phận theo khu vực địa lý*) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.520.969	309.583.454
Tiền gửi ngân hàng	27.993.592.043	18.118.910.352
Các khoản tương đương tiền	7.755.000.000	5.455.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	7.755.000.000	5.455.000.000
<b>Tổng</b>	<b>35.751.113.012</b>	<b>23.883.493.806</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại các Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội với lãi suất từ 1,6%/năm đến 5,1%/năm.

Giá trị các khoản tương đương tiền dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 6.700.000.000 VND (tại ngày 01/01/2025 là 3.400.000.000 VND).

**5.2 Đầu tư tài chính**

	<b>31/12/2025 (VND)</b>		<b>01/01/2025 (VND)</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An số tiền 1.200.000.000 VND với lãi suất từ 4,7% đến 5,1%/năm.

Tại ngày 31/12/2025, giá trị các tiền gửi có kỳ hạn dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 1.200.000.000 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>64.535.160.724</b>	<b>63.037.444.981</b>
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng	403.509.754	1.289.719.250
Thương mại Lâm Trang		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	8.198.291.150	15.912.991.341
Công ty Điện lực Nghệ An - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	2.245.804.727	2.820.967.653
Công ty Cổ phần Tài chính và Phát triển Năng Lượng BQLDA xây dựng điện miền Bắc	6.363.393.399	6.723.393.399
	17.195.794.760	4.076.827.959
Công ty Cổ phần thương mại Xây lắp công nghiệp Thăng Long	74.453.576	1.531.578.434
Ban Quản lý Dự án Công trình Điện miền Bắc	20.467.449.358	21.588.626.573
Phải thu khách hàng khác	9.586.464.000	9.093.340.372
<b>Tổng</b>	<b>64.535.160.724</b>	<b>63.037.444.981</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải thu khách hàng là bên liên quan</b>	<b>8.198.291.150</b>	<b>15.993.185.898</b>
<i>(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>		

**5.4 Trả trước người bán**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.480.539.975</b>	<b>24.935.051.305</b>
Công ty CP Kinh doanh TM và ĐT Xây dựng Đại Thành Phát	80.377.482	8.513.183.657
Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dũng	-	3.990.678.238
Công ty TNHH MTV thí nghiệm điện miền bắc	390.647.880	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO4	637.900.680	721.021.249
Công ty TNHH Đồng Vĩnh Thịnh	74.909.488	5.624.667.609
Trả trước người bán khác	6.296.704.445	6.085.500.552
<b>Tổng</b>	<b>7.480.539.975</b>	<b>24.935.051.305</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Trả trước người bán là bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>721.021.249</b>
<i>(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>		

**5.5 Phải thu khác**

	<b>31/12/2025 (VND)</b>		<b>01/01/2025 (VND)</b>	
	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.273.285.941</b>	<b>(500.000)</b>	<b>19.276.209.281</b>	<b>(500.000)</b>
Tạm ứng	9.507.369.895	-	14.759.304.322	-
Ký cược, ký quỹ	2.125.344.957	-	3.623.927.424	-
Phải thu khác	640.571.089	(500.000)	892.977.535	(500.000)
<i>Phí bảo lãnh tạm ứng DZ và TBA 220kv Việt Trì Tam Dương Bá Thiện</i>	249.406.394	-	249.406.394	-
<i>Đối tượng khác</i>	391.164.695	(500.000)	643.571.141	(500.000)
<b>Tổng</b>	<b>12.273.285.941</b>	<b>(500.000)</b>	<b>19.276.209.281</b>	<b>(500.000)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.6 Nợ xấu**

	31/12/2025 (VND)				01/01/2025 (VND)			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Số ngày quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Việt Á Nghĩa Đàn	Trên 3 năm	227.472.400	(227.472.400)	-	Trên 3 năm	227.472.400	(227.472.400)	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Á	Trên 3 năm	126.816.013	(126.816.013)	-	Trên 3 năm	126.816.013	(126.816.013)	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	Trên 3 năm	63.045.500	(63.045.500)	-	Trên 3 năm	63.045.500	(63.045.500)	-
Lê Tiến Thông - XD Thông Châu Hà Tĩnh	Trên 3 năm	53.772.168	(53.772.168)	-	Trên 3 năm	53.772.168	(53.772.168)	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	5.159.227.358	(1.514.110.440)	3.645.116.918	Trên 3 năm	838.070.762	(838.070.762)	-
<b>Tổng</b>		<b>5.630.333.439</b>	<b>(1.985.216.521)</b>	<b>3.645.116.918</b>		<b>1.309.176.843</b>	<b>(1.309.176.843)</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Nguyên liệu, vật liệu	10.244.251.624	(31.428.690)	17.883.776.345	(31.428.690)
Công cụ, dụng cụ	21.373.960	(1.878.552)	37.533.460	(1.878.552)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	47.372.026.836	(745.423.254)	31.387.936.134	(5.724.243)
Thành phẩm	1.866.440.571	(31.029.377)	2.081.125.728	(31.029.377)
<b>Tổng</b>	<b>59.504.092.991</b>	<b>(809.759.873)</b>	<b>51.390.371.667</b>	<b>(70.060.862)</b>

**5.8 Chi phí trả trước**

	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>01/01/2025 VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>24.700.739</b>	<b>161.149.634</b>
Chi phí bảo hiểm	-	81.506.780
Chi phí trả trước khác	24.700.739	79.642.854
<b>Dài hạn</b>	<b>35.366.444.914</b>	<b>344.215.896</b>
Quyền thương hiệu và quyền phát triển dự án (i)	35.000.000.000	-
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	68.596.034	78.789.632
Chi phí sửa chữa	227.259.179	224.297.299
Chi phí thu xếp vốn chờ phân bổ	70.589.701	41.128.965
<b>Tổng</b>	<b>35.391.145.653</b>	<b>505.365.530</b>

(i) Quyền thương hiệu và quyền phát triển dự án tại thửa đất CT4 - thuộc khu đô thị Mỹ Thượng, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế theo hợp đồng số 02.2025/CT4-VNE-VE3 ngày 15/12/2025 với Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tổng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2025	4.227.035.569	8.257.797.549	5.244.915.908	124.695.953	17.854.444.979
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	4.227.035.569	8.257.797.549	5.244.915.908	124.695.953	17.854.444.979
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2025	3.712.460.281	4.845.099.033	3.217.341.942	121.432.064	11.896.333.320
Tăng trong năm	47.340.607	413.535.644	246.913.873	3.263.889	711.054.013
Khấu hao trong năm	47.340.607	413.535.644	246.913.873	3.263.889	711.054.013
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	3.759.800.888	5.258.634.677	3.464.255.815	124.695.953	12.607.387.333
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2025	514.575.288	3.412.698.516	2.027.573.966	3.263.889	5.958.111.659
Tại 31/12/2025	467.234.681	2.999.162.872	1.780.660.093	-	5.247.057.646

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 4.329.413.165 VND (tại ngày 01/01/2025 là 2.813.515.317 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 8.340.248.369 VND (tại ngày 01/01/2025 là 8.302.648.369 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.10 Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá</b>				
<i>Nguyên giá</i>	<b>3.486.000.000</b>	-	-	<b>3.486.000.000</b>
- Quyền sử dụng đất	3.486.000.000	-	-	3.486.000.000
<i>Tổn thất do suy giảm giá trị</i>	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>3.486.000.000</b>	-	-	<b>3.486.000.000</b>
- Quyền sử dụng đất	3.486.000.000	-	-	3.486.000.000

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất ở lâu dài tại thửa số 288, tờ bản đồ 35 tại phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Tại ngày 31/12/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư, chưa trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty, tuy nhiên dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này và giá trị thị trường, Công ty đánh giá rằng giá trị thị trường của các bất động sản đầu tư này đang cao hơn giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc.

**5.11 Phải trả người bán**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (Trình bày lại) (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>89.216.403.823</b>	<b>89.216.403.823</b>	<b>59.194.991.977</b>	<b>59.194.991.977</b>
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	35.153.803.319	35.153.803.319	2.561.462.939	2.561.462.939
Công ty TNHH Nhật Quang Huy	5.364.192.393	5.364.192.393	7.310.510.313	7.310.510.313
Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Đà Nẵng	1.379.558.030	1.379.558.030	1.479.558.030	1.479.558.030
Công ty TNHH Linh Ngọc	6.278.336.143	6.278.336.143	4.513.125.513	4.513.125.513
Công ty TNHH Xây dựng Minh Hoạt	6.803.843.089	6.803.843.089	8.245.847.866	8.245.847.866
Công ty cổ phần xây dựng số 4 Yên Bái	2.643.759.299	2.643.759.299	6.437.193.481	6.437.193.481
Phải trả người bán khác	31.592.911.550	31.592.911.550	28.647.293.835	28.647.293.835
<b>Dài hạn</b>	-	-	<b>409.683.406</b>	<b>409.683.406</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	-	-	409.683.406	409.683.406
<b>Tổng</b>	<b>89.216.403.823</b>	<b>89.216.403.823</b>	<b>59.604.675.383</b>	<b>59.604.675.383</b>

*Trong đó:*

**Phải trả người bán là các bên liên quan**

**35.153.803.319      35.153.803.319      2.971.146.345      2.971.146.345**

*(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.12 Người mua trả tiền trước**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>8.624.468.869</b>	<b>37.192.776.422</b>
BQLDA Xây dựng Điện miền Bắc - Chi nhánh	-	1.139.340.242
Tổng Công ty Điện lực miền Bắc		
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	7.996.316.171	35.318.273.733
Người mua trả tiền trước khác	628.152.698	735.162.447
<b>Tổng</b>	<b>8.624.468.869</b>	<b>37.192.776.422</b>

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước**

	<b>01/01/2025</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>31/12/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>trong năm</b>	<b>trong năm</b>	<b>VND</b>
<b>Phải nộp</b>	<b>597.856.911</b>	<b>1.331.944.515</b>	<b>1.043.655.881</b>	<b>886.145.545</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	569.183.633	868.237.537	568.973.003	868.448.167
Thuế thu nhập cá nhân	28.673.278	93.136.290	104.112.190	17.697.378
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	367.570.688	367.570.688	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Phải thu</b>	<b>192.977.845</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>192.977.845</b>
Thuế giá trị gia tăng	192.977.845	-	-	192.977.845

**5.14 Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.362.826.019</b>	<b>10.292.215.452</b>
Trích trước CT Trạm biến áp 220 kV Bá Thiện (gói 13)	2.524.095.233	6.506.781.327
Trích trước CT ĐZ và TBA 110kV Nghi Lộc	4.184.940.340	1.423.202.911
Trích trước CT ĐZ và TBA 110kV Phú Thuận	2.653.790.446	1.500.000.000
- Bình Đại		
Các khoản khác	-	862.231.214
<b>Tổng</b>	<b>9.362.826.019</b>	<b>10.292.215.452</b>

**5.15 Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.559.457.504</b>	<b>2.309.762.774</b>
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội	937.017.356	761.756.636
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	-	1.252.317.489
Các khoản phải trả, phải nộp khác	622.440.148	295.688.649
<b>Tổng</b>	<b>1.559.457.504</b>	<b>2.309.762.774</b>

Trong đó:

**Phải trả khác là bên liên quan**

(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)

- **1.252.317.489**



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2025 (VND)		Phát sinh trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>72.634.134.880</b>	<b>72.634.134.880</b>	<b>109.393.088.524</b>	<b>96.569.322.530</b>	<b>59.810.368.886</b>	<b>59.810.368.886</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh (1)	1.710.015.900	1.710.015.900	3.755.895.814	4.778.770.914	2.732.891.000	2.732.891.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (2)	31.116.050.286	31.116.050.286	35.953.791.856	33.105.436.456	28.267.694.886	28.267.694.886
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh TP Vinh (3)	29.711.312.668	29.711.312.668	51.869.028.553	44.053.496.886	21.895.781.001	21.895.781.001
Trần Thị Kim Hoa (4)	3.133.951.898	3.133.951.898	86.452.000	951.110.000	3.998.609.898	3.998.609.898
Vay cá nhân khác (4)	6.962.804.128	6.962.804.128	17.727.920.301	13.680.508.274	2.915.392.101	2.915.392.101
<b>Vay dài hạn</b>	<b>1.050.000.000</b>	<b>1.050.000.000</b>	<b>-</b>	<b>150.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (5)	1.050.000.000	1.050.000.000	-	150.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
<b>Tổng</b>	<b>73.684.134.880</b>	<b>73.684.134.880</b>	<b>109.393.088.524</b>	<b>96.719.322.530</b>	<b>61.010.368.886</b>	<b>61.010.368.886</b>

- (1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025-HĐCVHM/NHCT442-VNECO3 ngày 28/8/2025 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh và Công ty CP Xây dựng điện VNECO3 với hạn mức cho vay là 20.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức: đến hết ngày 28/8/2026. Thời hạn vay: Tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay được xác định theo từng giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo: Quy định tại các Hợp đồng đảm bảo đã ký với Ngân hàng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

- (2) Công ty vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Nghệ An theo hai hợp đồng cấp tín dụng hạn mức sau:
- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 82/2025/HDTD/VNH ngày 17/3/2025 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Nghệ An và Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 với hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 đồng (Hạn mức cho vay: 35.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh: 60.000.000.000 đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công công trình. Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Thời hạn vay: Không quá 10 tháng. Lãi suất cho vay được xác định theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Ký quỹ và các biện pháp đảm bảo khác: Quy định tại các Hợp đồng đảm bảo đã ký và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
  - Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 81/2025/HDTD/VNH ngày 17/3/2025 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Nghệ An và Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 với hạn mức cho vay là 20.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công công trình theo hợp đồng số 34/HĐ-EVN-SPC-LD VNECO3- DUCLINH ngày 16/4/2024: Gói 08-PTBĐ về việc cung cấp, xây dựng, lắp đặt VTTB công trình đường dây 110kV Phú Nhuận - Bình Đại (bao gồm thí nghiệm đo thông số đường dây, tính toán chỉnh định role, lập phương thức đóng điện vận hành và xử lý sự cố phần mở rộng ngăn lộ) thuộc Công trình: Đường dây 110kV Phú Nhuận - Bình Đại dự án AFD giữa Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH với liên danh Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 và Công ty CP Xây dựng công trình Đức Linh. Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng. Thời hạn vay: không quá 10 tháng. Lãi suất cho vay được xác định theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Ký quỹ và các biện pháp đảm bảo khác: Quy định tại các Hợp đồng đảm bảo đã ký và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
- (3) Hợp đồng cấp tín dụng số 368034.25.814.4530380.TD ngày 30/12/2025 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Nghệ An và Công ty CP Xây dựng điện VNECO3 với hạn mức tín dụng là 90.000.000.000 đồng (Hạn mức cho vay: 30.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh thanh toán: 30.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán: 60.000.000.000 đồng). Mục đích sử dụng vốn vay là để phục vụ hoạt động thi công xây lắp công trình điện, trạm biến áp. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 28/12/2026. Lãi suất cho vay được xác định theo từng lần giải ngân. Biện pháp đảm bảo bao gồm: Hàng hóa và quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 265820.24.814.4530380.BD ngày 09/12/2024; các Hợp đồng tiền gửi do Ngân hàng TMCP Quân đội phát hành; Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 554761 tại phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An; Ô tô con theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 118442, biển kiểm soát 37A-694.73 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 18/6/2020 và Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thi công xây dựng số 2110/2020BT&VT-TD-BT/XL-56 ngày 08/10/2021 và các phụ lục đi kèm nếu có.
- (4) Các khoản vay cá nhân để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh, lãi suất khoản vay từ 8,7% đến 10,5%/năm.
- (5) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 373/2024/HDTD/VNH ngày 19/12/2024 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Nghệ An và Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 với số tiền vay là 1.200.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán một phần tiền mua 01 xe ô tô phục vụ hoạt động đi lại theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 1600050575 ngày 20/11/2024 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hòa Bình Minh. Thời hạn vay: 96 tháng. Lãi suất cho vay được xác định theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Hợp đồng đảm bảo số 31/2020/HDBD/VNH/01 ngày 19/12/2024, các hợp đồng đảm bảo đã ký kết trước, trong và sau ngày hiệu lực hợp đồng vay này và các hợp đồng đảm bảo và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.17 Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	74.950.127	74.950.127
<b>Tổng</b>	<b>74.950.127</b>	<b>74.950.127</b>

**5.18 Vốn chủ sở hữu**

**a. Biến động của vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2024</b>	<b>13.197.100.000</b>	<b>8.860.000</b>	<b>2.544.508.710</b>	<b>3.272.069.288</b>	<b>19.022.537.998</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	254.514.885	254.514.885
<b>Số dư tại 31/12/2024</b>	<b>13.197.100.000</b>	<b>8.860.000</b>	<b>2.544.508.710</b>	<b>3.526.584.173</b>	<b>19.277.052.883</b>
<b>Số dư tại 01/01/2025</b>	<b>13.197.100.000</b>	<b>8.860.000</b>	<b>2.544.508.710</b>	<b>3.526.584.173</b>	<b>19.277.052.883</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	95.134.071	95.134.071
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(25.451.488)	(25.451.488)
Tăng vốn (ii)	20.802.900.000	-	-	-	20.802.900.000
<b>Số dư tại 31/12/2025</b>	<b>34.000.000.000</b>	<b>8.860.000</b>	<b>2.544.508.710</b>	<b>3.596.266.756</b>	<b>40.149.635.466</b>

(i) Theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2025 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 25.451.488 VND.

(ii) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/5/2025 đã thống nhất thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ trong năm 2025. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán là 2.080.290 cổ phiếu, giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu, tổng giá trị phát hành dự kiến 20.802.900.000 VND.

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 13/2025/NQQ/HĐQT ngày 26/12/2025 về việc thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ: Số lượng cổ phiếu đã phân phối là 2.080.290 cổ phiếu, giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu, tổng giá trị thu được từ đợt chào bán 20.802.900.000 VND; Tổng số cổ phiếu lưu hành sau đợt chào bán riêng lẻ: 3.400.000 cổ phiếu.

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	1.839.420.000	2.639.420.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển TBG	1.000.000.000	1.000.000.000
Bà Lê Thị Hồng Thủy	23.962.900.000	3.160.000.000
Các cổ đông khác	7.197.680.000	6.397.680.000
<b>Tổng</b>	<b>34.000.000.000</b>	<b>13.197.100.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	13.197.100.000	13.197.100.000
Vốn góp tăng trong năm	20.802.900.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	34.000.000.000	13.197.100.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>3.400.000</b>	<b>1.319.710</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>3.400.000</b>	<b>1.319.710</b>
Cổ phiếu phổ thông	3.400.000	1.319.710
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>3.400.000</b>	<b>1.319.710</b>
Cổ phiếu phổ thông	3.400.000	1.319.710
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.19 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

**Ngoại tệ**

	31/12/2025	01/01/2025
	Tương đương	Tương đương
	Nguyên tệ VND	Nguyên tệ VND
USD	942,04 21.662.210	942,04 21.662.210
<b>Tổng</b>	<b>942,04 21.662.210</b>	<b>942,04 21.662.210</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	132.266.750.686	128.873.141.053
Doanh thu bán hàng	36.579.252.663	41.339.252.506
Doanh thu cung cấp dịch vụ và hoạt động khác	697.500.000	658.562.960
<b>Tổng</b>	<b>169.543.503.349</b>	<b>170.870.956.519</b>

*Trong đó:*

**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đối với các bên liên quan**

(3.762.195.014) 13.658.104.780

(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	119.692.544.981	117.687.640.883
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	36.750.479.572	41.344.730.016
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp và hoạt động khác	-	364.198.137
<b>Tổng</b>	<b>156.443.024.553</b>	<b>159.396.569.036</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	239.951.367	81.562.300
Lãi trả chậm	131.005.266	261.188.795
<b>Tổng</b>	<b>370.956.633</b>	<b>342.751.095</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	5.667.785.085	3.484.952.135
Lãi chậm thanh toán	41.128.965	57.929.817
<b>Tổng</b>	<b>5.708.914.050</b>	<b>3.542.881.952</b>

*Trong đó:*

**Chi phí tài chính với các bên liên quan**  
*(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)*

**10.839.259**                      **109.094.832**

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>6.823.792.436</b>	<b>7.213.266.106</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.101.477.314	4.835.134.075
Chi phí đồ dùng văn phòng	73.541.690	85.089.026
Chi phí khấu hao TSCĐ	264.486.557	139.524.221
Thuế phí và lệ phí	451.094.330	373.181.373
Chi phí dự phòng	676.039.678	(265.859.754)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	642.739.170	670.620.183
Chi phí bằng tiền khác	1.614.413.697	1.375.576.982
<b>Tổng</b>	<b>6.823.792.436</b>	<b>7.213.266.106</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ dịch vụ cho thuê kho xưởng	159.732.798	199.372.864
Xử lý kiểm kê	-	709.092
Thu nhập khác	375	-
<b>Tổng</b>	<b>159.733.173</b>	<b>200.081.956</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Phạt vi phạm hợp đồng	45.000.000	-
Chi phí hoạt động cho thuê	-	119.541.516
Xử lý thiếu khi kiểm kê	-	25.562.359
Các khoản phạt hành chính, chậm nộp thuế, BHXH	73.267.360	156.067.712
Chi phí khác	16.823.148	25.490.175
<b>Tổng</b>	<b>135.090.508</b>	<b>326.661.762</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>24.642.665</b>	<b>(126.579.806)</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>963.371.608</b>	<b>934.410.714</b>
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	3.377.816.076	1.910.454.302
-Các khoản phạt hành chính, phạt thuế khác	73.267.360	156.067.712
-Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	3.304.548.716	1.754.386.590
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>4.341.187.684</b>	<b>2.844.865.016</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>868.237.537</b>	<b>568.973.003</b>
Chi phí thuế TNDN truy thu các năm trước	-	110.922.826
<b>Tổng</b>	<b>868.237.537</b>	<b>679.895.829</b>

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty (VND)</b>	<b>95.134.071</b>	<b>254.514.885</b>
Các khoản điều chỉnh tăng:	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm:	-	(25.451.488)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(25.451.488)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>95.134.071</b>	<b>229.063.397</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	1.359.606	1.319.710
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>70</b>	<b>174</b>

Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi và trích thù lao HĐQT, BKS. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và trích thù lao HĐQT, BKS cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 trình bày lại do trong năm 2025 Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2025 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày lại như sau:

	Năm 2024 (Trình bày lại)	Năm 2024 (Đã trình bày)	Chênh lệch
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty (VND)</b>	<b>254.514.885</b>	<b>254.514.885</b>	<b>-</b>
Các khoản điều chỉnh tăng:	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm:	(25.451.488)	-	(25.451.488)
<i>Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>(25.451.488)</i>	<i>-</i>	<i>(25.451.488)</i>
<b>Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>229.063.397</b>	<b>254.514.885</b>	<b>(25.451.488)</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	1.319.710	1.319.710	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>174</b>	<b>193</b>	<b>(19)</b>

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.097.074.228	20.203.220.764
Chi phí nhân công	1.603.266.958	10.456.302.137
Chi phí khấu hao tài sản cố định	711.054.013	675.631.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.370.223.770	98.506.296.147
Chi phí khác bằng tiền	7.191.434.400	3.159.320.790
Chi phí dự phòng	1.415.738.689	(265.859.754)
<b>Tổng</b>	<b>135.388.792.058</b>	<b>132.734.911.517</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Công ty có các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Người quản lý khác	Lương và thù lao	1.338.528.462	1.464.567.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

*Chi tiết:*

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		<b>455.888.000</b>	<b>471.634.000</b>
Ông Đào Ngọc Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	375.888.000	375.634.000
Ông Trần Đức Thanh	Ủy viên	24.000.000	24.000.000
Ông Trương Thường Thịnh	Ủy viên	24.000.000	24.000.000
Bà Võ Hồng Cẩm Tú	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 05/5/2025)	8.000.000	24.000.000
Ông Bùi Quang Thành	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 05/5/2025)	8.000.000	24.000.000
Ông Lê Mạnh Chiến	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30/6/2025)	16.000.000	-
<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>43.200.000</b>	<b>43.200.000</b>
Ông Nguyễn Thế Tam	Trưởng ban	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Vinh	Thành viên	9.600.000	9.600.000
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên	9.600.000	9.600.000
<b>Ban Giám đốc</b>		<b>619.025.462</b>	<b>727.419.000</b>
Ông Trần Đức Thanh	Giám đốc	347.192.000	349.517.000
Ông Nguyễn Văn Trọng	Phó Giám đốc	271.833.462	218.868.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Giám đốc	-	59.891.000
Ông Mạnh Xuân Kỳ	Phó Giám đốc	-	99.143.000
<b>Những người quản lý khác</b>		<b>220.415.000</b>	<b>222.314.000</b>
Ông Bùi Đức Long	Kế toán trưởng	220.415.000	222.314.000
<b>Tổng</b>		<b>1.338.528.462</b>	<b>1.464.567.000</b>

**b. Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất số dư	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải thu của khách hàng</b>			<b>8.198.291.150</b>	<b>15.993.185.898</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	8.198.291.150	15.912.991.341
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	Ảnh hưởng đáng kể	Thi công xây lắp	(*)	80.194.557
<b>Trả trước người bán</b>				<b>721.021.249</b>
Công ty CP Xây dựng điện VNECO4	Ảnh hưởng đáng kể	Bán hàng hóa	(*)	721.021.249
<b>Phải trả người bán</b>			<b>35.153.803.319</b>	<b>2.971.146.345</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông lớn	Mua hàng hóa	35.153.803.319	2.971.146.345
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>			-	<b>1.252.317.489</b>
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông lớn	Lãi thu xếp vốn thiết bị và vật tư	-	1.252.317.489

(\*) Trong năm 2025, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (cổ đông lớn của Công ty) đã thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4 nên Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4 không còn là bên liên quan của Công ty. Do đó, Công ty không trình bày số dư bên liên quan tại ngày 31/12/2025 với Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**c. Giao dịch với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
<b>Vay</b>			-	<b>100.000.000</b>
Ông Trần Đức Dũng	Quan hệ với nhân sự quản lý chủ chốt	Vay	-	100.000.000
<b>Trả vay</b>			-	<b>1.130.887.000</b>
Ông Trần Đức Dũng	Quan hệ với nhân sự quản lý chủ chốt	Trả vay	-	100.000.000
Ông Bùi Đức Long	Kế toán trưởng	Trả vay	-	30.887.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông lớn	Trả vay	-	1.000.000.000
<b>Bán hàng</b>			<b>(3.762.195.014)</b>	<b>13.658.104.780</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông lớn	Thi công xây lắp	(3.762.195.014)	13.215.239.079
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	Ảnh hưởng đáng kể	Thi công xây lắp	(*)	442.865.701
<b>Mua hàng</b>			<b>35.000.000.000</b>	<b>1.694.844.864</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông lớn	Mua hàng, chuyển nhượng dự án BĐS	35.000.000.000	1.594.366.654
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	Ảnh hưởng đáng kể	Thi công xây lắp	(*)	100.478.210
<b>Chi phí tài chính</b>			<b>10.839.259</b>	<b>109.094.832</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Công ty mẹ	Lãi vay	-	49.863.015
Bùi Đức Long	Kế toán trưởng	Lãi vay	-	1.302.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Công ty mẹ	Lãi trả chậm mua tài sản	10.839.259	57.929.817

(\*) Trong năm 2025, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (cổ đông lớn của Công ty) đã thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4 nên Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4 không còn là bên liên quan của Công ty. Do đó, Công ty không trình bày giao dịch bên liên quan phát sinh trong năm 2025 với Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.2 Báo cáo bộ phận**

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 như sau:

	<b>Hoạt động xây lắp</b>	<b>Hoạt động sản xuất và dịch vụ khác</b>	<b>Tổng</b>
Doanh thu thuần	132.266.750.686	37.276.752.663	169.543.503.349
Giá vốn	119.692.544.981	36.750.479.572	156.443.024.553
<b>Lợi nhuận gộp từ kết quả kinh doanh</b>	<b>12.574.205.705</b>	<b>526.273.091</b>	<b>13.100.478.796</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>			
Kết quả bộ phận	12.574.205.705	526.273.091	13.100.478.796
Doanh thu hoạt động tài chính			370.956.633
Chi phí tài chính			(5.708.914.050)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(6.823.792.436)
Lợi nhuận khác không liên quan đến HĐSXKD			24.642.665
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(868.237.537)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>			<b>95.134.071</b>

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 như sau:

	<b>Hoạt động xây lắp</b>	<b>Hoạt động sản xuất và dịch vụ khác</b>	<b>Tổng</b>
Doanh thu	128.873.141.053	41.997.815.466	170.870.956.519
Giá vốn	117.687.640.883	41.708.928.153	159.396.569.036
<b>Lợi nhuận gộp từ kết quả kinh doanh</b>	<b>11.185.500.170</b>	<b>288.887.313</b>	<b>11.474.387.483</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>			
Kết quả bộ phận	11.185.500.170	288.887.313	11.474.387.483
Doanh thu hoạt động tài chính			342.751.095
Chi phí tài chính			(3.542.881.952)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(7.213.266.106)
Lợi nhuận khác không liên quan đến HĐSXKD			(126.579.806)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(679.895.829)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>			<b>254.514.885</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại 31/12/2025 như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Hoạt động xây lắp</b>	<b>Hoạt động sản xuất và dịch vụ khác</b>	<b>Tổng</b>
<b>TÀI SẢN</b>			
Tài sản bộ phận	123.610.230.379	6.684.676.046	130.294.906.425
Tài sản không phân bổ			95.428.697.388
<b>Tổng tài sản</b>			<b>225.723.603.813</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Nợ phải trả của các bộ phận	122.590.484.581	48.859.522.991	171.450.007.572
Nợ phải trả không thể phân bổ			14.123.960.775
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>185.573.968.347</b>

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2025 như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Hoạt động xây lắp</b>	<b>Hoạt động sản xuất và dịch vụ khác</b>	<b>Tổng</b>
<b>TÀI SẢN</b>			
Tài sản bộ phận	147.407.037.786	14.215.158.804	161.622.196.590
Tài sản không phân bổ			31.592.002.291
<b>Tổng tài sản</b>	<b>147.407.037.786</b>	<b>14.215.158.804</b>	<b>193.214.198.881</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Nợ phải trả của các bộ phận	144.686.926.290	15.499.107.854	160.186.034.144
Nợ phải trả không thể phân bổ			13.751.111.854
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>144.686.926.290</b>	<b>15.499.107.854</b>	<b>173.937.145.998</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**Người lập**



**Bùi Đức Long**

**Kế toán trưởng**



**Bùi Đức Long**

*Nghệ An, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

**Giám đốc**



**Tổng Giám đốc**